

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tánh
2. Bà Trần Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bé N, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Phước N1, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị N và anh N1 đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bé N trình bày:

Chị và anh Ngô Phước N1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi ngày 28/4/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống chung với gia đình chồng được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 ngày nào cũng nhậu nhẹt đến khuya mới về, không quan tâm, lo lắng cho vợ; anh N1 làm được bao nhiêu tiền cũng tự giữ, không nói cho chị biết; chị đã nói chuyện với anh N1 nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả nên từ

tháng 4/2022 âm lịch chị đã chuyển về sống với cha mẹ đẻ. Từ khi chị về sống với cha mẹ đẻ thì anh N1 cũng không quan tâm, thăm hỏi đến chị. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, chị và anh N1 không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Phước N1.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị và anh N1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 03/11/2022, bị đơn anh Ngô Phước N1 trình bày:

Anh và chị Trần Thị Bé N tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2022 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 28/4/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sống chung với gia đình chồng được 04 tháng. Trong thời gian sống chung, anh đi làm nhưng chị N cứ bảo tại sao không ở nhà; vợ chồng sống chung nhưng chị N không cho anh ngủ chung nên cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được. Do đó, từ tháng 4/2022 âm lịch chị N tự ý bỏ về sống với cha mẹ đẻ. Nay anh thấy cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé N.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Bé N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ngô Phước N1. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong đơn khởi kiện chị Trần Thị Bé N xác định anh Ngô Phước N1 có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 03/11/2022 anh N1 xác định nơi cư trú của anh là thôn Đ1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Bé N và bị đơn anh Ngô Phước N1 đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 28/4/2022. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bé N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ ý kiến trình bày của chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, giữa chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 4/2022 âm lịch đến nay. Mặc dù Thẩm phán đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và anh N1 cũng đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn. Do đó, việc chị N yêu cầu được ly hôn anh N1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bé N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị N phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bé N được ly hôn anh Ngô Phước N1.

2. Về con chung, nợ chung: Chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bé N và anh Ngô Phước N1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bé N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003545 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị N phải chịu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong